

Số: 401/BC-UBND

Biên Hòa, ngày 15 tháng 11 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Về kết quả tự đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính của UBND thành phố Biên Hòa năm 2023**

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 29/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai xác định Bộ Chỉ số Cải cách hành chính (CCHC) các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện năm 2023; Xét đề nghị của Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 1012/TTr-NV ngày 15/11/2023, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa báo cáo tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số CCHC năm 2023, cụ thể như sau:

#### **I. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính (đính kèm).**

Tổng số điểm tự đánh giá 84,7902/90 điểm, trong đó:

1. Lĩnh vực Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 12,97/13 điểm;
2. Lĩnh vực Xây dựng và tổ chức thực hiện VB. QPPL: 6/7 điểm;
3. Lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính: 18,86/19 điểm;
4. Lĩnh vực Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 10/10 điểm;
5. Lĩnh vực Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC: 12/12 điểm;
6. Lĩnh vực Cải cách cơ chế quản lý tài chính công: 6,9/7 điểm;
7. Lĩnh vực Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số: 17,26/19 điểm;
8. Lĩnh vực đánh giá tác động công tác CCHC:
  - Đánh giá tác động của CCHC đến phát triển Kinh tế - Xã hội: 3/3 điểm.
  - Đánh giá tác động của CCHC đến mức độ hài lòng của người dân: 10 điểm (không tự đánh giá lĩnh vực này, điểm quy đổi từ kết quả khảo sát ý kiến người dân năm 2023).

#### **II. Các tài liệu kiểm chứng gửi kèm theo Bảng tổng hợp (đính kèm)**

**III. Phần giải thích cách đánh giá, tính điểm đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng chưa thể hiện hết nội dung cần đánh giá**

##### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC**

###### **1.1. Kế hoạch CCHC hàng năm**

- **TCTP 1.1.1:** Tài liệu kiểm chứng: Kế hoạch số 380/KH-UBND ngày 11/01/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa về CCHC năm 2023.

+ Thời hạn ban hành: đúng thời hạn, **đạt 0,25/0,25 điểm.**

+ Xác định đầy đủ các nhiệm vụ, đúng định hướng CCHC trên 7 lĩnh vực. Kết quả trong kế hoạch được xác định rõ ràng đối với từng nhiệm vụ, chi tiết mốc thời gian ban hành. **Đạt 0,25/0,25 điểm.**

- **TCTP 1.1.2:** Mức độ thực hiện Kế hoạch: hoàn thành 53/54 nhiệm vụ (chiếm tỷ lệ: 98%). **Đạt  $(98\% \times 1,5)/100\% = 1,47/2$  điểm.** **Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023.

*Nội dung không đạt:* (1) Tối thiểu 20% hồ sơ thủ tục hành chính tại thành phố, 15% ở cấp xã được số hóa.

## 1.2. Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ

- Thực hiện đầy đủ báo cáo CCHC. **Đạt 0,25/0,25 điểm.**

- Tất cả báo cáo đầy đủ nội dung theo yêu cầu của UBND tỉnh và Kế hoạch CCHC của thành phố Biên Hòa, đạt **0,5/0,5 điểm.**

- Các báo cáo được gửi đúng thời gian quy định, đạt **0,25/0,25 điểm.**

**Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 15/3/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC Quý I năm 2023; Báo cáo số 160/BC-UBND ngày 15/6/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC 6 tháng năm 2023; Báo cáo số 306/BC-UBND ngày 14/9/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC 9 tháng năm 2023; Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023.

## 1.3. Kiểm tra công tác CCHC

- **TCTP 1.3.1:** Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra.

Ban hành Kế hoạch số 688/KH-UBND ngày 18/01/2023 và Quyết định số 941/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 về kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Biên Hòa năm 2023. Kết quả, kiểm tra trực tiếp tại **16 phường, xã** và hình thức trực tuyến (thông qua hệ thống phần mềm quản lý) tại **12 phòng chuyên môn, UBND 30 phường, xã** (vượt chỉ tiêu tối thiểu 60% cơ quan, đơn vị trực thuộc), **đánh giá: 1/1 điểm.**

**Tài liệu kiểm chứng:** Kế hoạch số 688/KH-UBND ngày 18/01/2023 về việc kiểm tra công tác CCHC, kiểm soát TTHC năm 2023,...các Biên bản kiểm tra.

- **TCTP 1.3.2:** Xử lý các vấn đề qua kiểm tra thuộc thẩm quyền xử lý

Qua kiểm tra thực tế có phát hiện và xử lý 100% vấn đề chưa phù hợp thuộc thẩm quyền, đánh giá: **đạt 2/2 điểm.**

+ **Đối với thành phố:** Phê bình, nhắc nhở trách nhiệm người đứng đầu do để xảy ra tình trạng chậm trễ hoặc thực hiện chưa đảm bảo yêu cầu công tác CCHC, nhất là quá trình giải quyết TTHC. **Tài liệu kiểm chứng:** các Thông báo kết quả kiểm tra tại các đơn vị, địa phương

+ **Đối với cấp xã:** Phê bình, nhắc nhở trách nhiệm người đứng đầu do thực hiện chưa nghiêm chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố đối với công tác CCHC; giao tổ chức chấn chỉnh, triển khai đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ CCHC. **Tài liệu kiểm chứng:** các Thông báo kết quả kiểm tra tại các đơn vị, địa phương.

Ngoài ra, đã kiến nghị UBND tỉnh, các Sở chuyên ngành hỗ trợ xử lý khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác CCHC. **Tài liệu kiểm chứng:** Văn bản số 972/UBND-THNC ngày 01/02/2023 (thao tác hồ sơ trước khi có kết quả), Văn bản số 8346/UBND-THNC ngày 09/6/2023 (phần mềm số hóa TTHC), Văn bản số 8396/UBND-THNC ngày 09/6/2023 (sao y điện tử trên Cổng Dịch vụ công quốc gia), Văn bản số 9444/UBND ngày 28/6/2023 (vướng mắc trong triển khai thanh toán không dùng tiền mặt); Văn bản số 12711/UBND-THNC ngày 21/8/2023 (vướng mắc lĩnh vực tư pháp – Hộ tịch), Văn bản số 13487/UBND-THNC ngày 31/8/2023 (hệ thống lưu trữ điện tử), Văn bản số 15627/UBND-THNC ngày 07/10/2023 (Hệ thống phần mềm đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến),...

- **TCTP 1.3.3:** Thực hiện kiểm tra qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý:

Đảm bảo 50% hoạt động kiểm tra được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin quản lý. **Đạt 0,5 điểm.**

**Tài liệu kiểm chứng:** Thông báo số 1587/TB-UBND ngày 16/8/2023 về kết quả kiểm tra công tác CCHC tại các đơn vị, địa phương theo hình thức trực tuyến năm 2023, Thông báo số 2042/TB-UBND ngày 10/11/2023 về kiểm tra công tác tạo lập hồ sơ công việc điện tử.

#### 1.4 Thực hiện tuyên truyền về CCHC

- **TCTP 1.4.1: Thường xuyên cung cấp các thông tin về CCHC**

Đăng tải, phát hành 69 tin, bài, hình ảnh và các văn bản chỉ đạo của tỉnh, thành phố về công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính. **Đánh giá: 0,5/0,5 điểm.** **Tài liệu kiểm chứng:** Trang thông tin điện tử thành phố Biên Hòa tại địa chỉ: <http://bienhoa.dongnai.gov.vn>.

- **TCTP 1.4.2: Mức độ đa dạng trong hình thức tuyên truyền CCHC**

+ Truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trực tuyến, trang thông tin điện tử, chương trình truyền hình,...: **Đạt 0,75/0,75 điểm.**

+ Truyền thông qua các hình thức truyền thống khác: poster, broucher, tem niêm yết, thông tin về CCHC. **Đạt 0,25/0,25 điểm.**

#### 1.5 Trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác CCHC

- Triển khai thực hiện đầy đủ các văn bản chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh về cải cách hành chính. **Đạt: 1/1 điểm.**

- Chỉ đạo đơn đốc thực hiện nhiệm vụ CCHC hàng tháng. **Đạt 1/1 điểm.**

- Xử lý vướng mắc, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp: **Đạt 1 điểm.**

**Tài liệu kiểm chứng:** Thông báo kết luận của Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa tại cuộc họp thành viên UBND thành phố mở rộng về thực hiện nhiệm vụ KT-XH, QP, AN hàng tháng (lồng ghép), các Văn bản đơn đốc, nhắc nhở cấp dưới thực hiện nhiệm vụ..., các Văn bản kiến nghị, xử lý khó khăn, vướng mắc liên

quan, ...*Thông báo kết luận của Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa - Trưởng Ban Chỉ đạo CCHC thành phố định kỳ.*

### **1.6. Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC**

Đã triển khai đăng ký và áp dụng 04 mô hình sáng kiến, cải tiến, cách làm mới trong công tác CCHC năm 2023. **Đạt 02/02 điểm.**

Thực hiện đăng ký và đề xuất UBND tỉnh công nhận đối với 04 mô hình sáng kiến gồm: (1) sử dụng mẫu bìa niêm yết TTHC có “logo biến thể màu vàng trên nền đỏ” kết hợp mã QR dẫn nguồn về Cơ sở dữ liệu TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn thành phố Biên Hòa; (2) Hướng dẫn nộp thủ tục đăng ký khai tử trên môi trường điện tử và nhận kết quả tại nhà (Văn bản số 5070/UBND-THNC ngày 14/4/2023; (3) tờ rơi tuyên truyền đăng ký cấp căn cước công dân (CCCD) trực tuyến; (4) tem truyền thông, thông tin về mini app Đồng Nai - “Đồng Nai Smart” (Văn bản số 17321/UBND-THNC ngày 03/11/2023).

**Tài liệu kiểm chứng:** Văn bản số 5070/UBND-THNC ngày 14/4/2023, Văn bản số 14001/UBND-THNC ngày 12/9/2023, Văn bản số 17321/UBND-THNC ngày 03/11/2023.

## **2. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật**

**2.1 Tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy trình của Luật ban hành VB. QPPL năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020.**

Qua rà soát, 3/3 Văn bản quy phạm pháp luật ban hành đúng quy trình, tỷ lệ 100%, **đạt 2/2 điểm.** **Tài liệu kiểm chứng:** Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Văn hóa và Thông tin; Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Quản lý đô thị; Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Kinh tế.

### **2.2 Công tác theo dõi thi hành pháp luật**

**- TCTP 2.2.1: Mức độ thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Hoàn thành 4/4 nhiệm vụ đề ra, **đạt: 0,5/0,5 điểm.** **Tài liệu kiểm chứng:** Kế hoạch số 1591/KH-UBND ngày 14/02/2023 về theo dõi thi hành pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 1705/KH-UBND ngày 1705/KH-UBND ngày 16/02/2023 về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2023; Văn bản số 5860/UBND-THNC ngày 27/4/2023; Báo cáo số 91/BC-UBND ngày 24/4/2023 về kết quả tổng kết 05 năm thực hiện “Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” giai đoạn 2018-2022; Văn bản số 10485/UBND-THNC ngày 13/7/2023; Báo cáo số 195/BC-UBND ngày 28/6/2023; Văn bản số 1962/UBND-THNC ngày 22/02/2023; Kế hoạch số 10544/KH-UBND ngày 14/7/2023; Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2023; Báo cáo số 76/BC-UBND ngày 08/11/2023 về kết quả kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày

30/6/2023); Văn bản số 8790/UBND-KTN ngày 15/6/2023 về tăng cường công tác quản lý theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi, đơn đốc các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính,...

**- TCTP 2.2.2: Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Qua công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật không có vấn đề phát sinh cần xử lý. **đạt 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023 (chưa có báo cáo năm 2023).

**2.3 Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp huyện ban hành, đạt 2,5 điểm.**

**- TCTP 2.3.1:** Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Hoàn thành 6/6 (100%) nhiệm vụ đề ra, **đạt: 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Kế hoạch số 2346/KH-UBND ngày 01/3/2023 về thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND trên địa bàn thành phố Biên Hoà kỳ 2019-2023, Văn bản số 11445/UBND-THNC ngày 31/7/2023 về việc quán triệt phương hướng, nhiệm vụ về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2023; Văn bản số 17553/UBND-THNC ngày 07/11/2023 về việc đơn đốc thực hiện rà soát, lập danh mục hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023; Kế hoạch số 14156/KH-UBND ngày 13/9/2023 về tổ chức Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng về công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 trên địa bàn thành phố Biên Hoà; Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của UBND thành phố Biên Hoà hết hiệu lực toàn bộ trong năm 2022.

**- TCTP 2.3.2:** Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề không còn phù hợp. **đạt 1,5/1,5 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023 (chưa có báo cáo năm 2023).

**3. Cải cách thủ tục hành chính**

**3.1 Kiểm soát thủ tục hành chính**

**- TCTP 3.1.1:** Ban hành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính.

+ Đảm bảo thời gian quy định, **đạt: 0,25/0,25 điểm.**

+ Nội dung phù hợp yêu cầu, định hướng của UBND tỉnh, **đạt 0,25/0,25 điểm.**

**Tài liệu kiểm chứng:** Kế hoạch số 508/KH-UBND ngày 13/01/2023 về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn thành phố Biên Hoà.

**- TCTP 3.1.2:** Đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC

Trong năm 2023, đã đề xuất trình UBND tỉnh 32 phương án đơn giản hóa TTHC cấp huyện gồm Nội vụ (08 TTHC), Tư pháp (04 TTHC), Lao động – TBXH (03 TTHC), Tài chính và Kế hoạch (02 TTHC), Văn hóa – Thể thao & Du lịch (04 TTHC), Y tế (01 TTHC), Giáo dục và Đào tạo (04 TTHC), Công thương (03 TTHC), Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (02 TTHC), Thanh tra (01 TTHC).

Đạt 32/234 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố, tương đương 16,6%. **Đánh giá: 4/4 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Các văn bản báo cáo đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC.

**- TCTP 3.1.3: Niêm yết TTHC theo quy định**

+ Đã tổ chức niêm yết Bộ TTHC tại Bộ phận Một cửa thành phố theo quy định kết hợp sử dụng mã QR để dẫn nguồn về Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, **đánh giá: 1/1 điểm.**

+ Đã tổ chức niêm yết Bộ TTHC tại Bộ phận Một cửa cấp xã theo quy định kết hợp sử dụng mã QR để dẫn nguồn về Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, **đánh giá: 1/1 điểm.**

**Tài liệu kiểm chứng:** các văn bản triển khai các Quyết định công bố Bộ TTHC được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ trong năm 2023, công tác công khai, niêm yết TTHC tại Bộ phận Một cửa thành phố và phường, xã.

**- TCTP 3.1.5: Cung cấp hồ sơ mẫu**

+ Thực hiện công khai hồ sơ mẫu: dạng giấy tại Bộ phận Một cửa thành phố, phường, xã và file điện tử trên Trang thông tin điện tử thành phố Biên Hòa (<http://bienhoa.dongnai.gov.vn>) đạt tỷ lệ 100% DVC trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, **đạt 0,5 điểm** và 70% TTHC khác có phát sinh hồ sơ có hồ sơ mẫu, **đạt 0,25/0,25 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Văn bản số 3661/UBND-THNC ngày 23/3/2023 của Chủ tịch UBND thành phố về việc xây dựng hồ sơ mẫu TTHC; Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023.

+ Xây dựng Video truyền thông về thực hiện dịch vụ công trực tuyến bằng tài khoản định danh điện tử mức 2 đối với lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, **đạt: 0,25/0,25 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Văn bản số 11290/UBND-THNC ngày 27/7/2023, địa chỉ đăng tải Video: <https://youtu.be/jVb6WgDhT00?si=19h-7LBcB6mH5nZE>

**- TCTP 3.2: Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức.**

Kết quả từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/11/2023, tiếp nhận và xử lý **819** phản ánh, kiến nghị thông qua Tổng đài dịch vụ công 1022, không có phản ánh, kiến nghị xử lý trễ hạn chuyên cấp độ 3 (đã xử lý: 812, đang xử lý: 07). **Đánh giá: (99% x 2)/100% = 1,98/2 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** số liệu tổng hợp từ Tổng đài dịch vụ công 1022 (<https://phananh.vnptdongnai.vn:8000/>).

**3.3 Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

**- TCTP 3.3.1: Thực hiện cơ chế một cửa**

+ Tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố, đã triển khai 100% TTHC tại Bộ phận Một cửa thành phố Biên Hòa, **đạt 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023.

**- TCTP 3.3.2. Thực hiện cơ chế một cửa liên thông, đạt 1/1 điểm.** Từ năm 2019 đến ngày 30/6/2023, chủ động phối hợp giải quyết hồ sơ đăng ký kinh doanh và đăng ký cấp mã số thuế giữa Phòng Tài chính – Kế hoạch và Chi cục Thuế khu

vực Biên Hoà – Vĩnh Cửu, rút ngắn thời gian giải quyết theo quy định của cơ quan đăng ký kinh doanh từ 03 xuống 1,5 ngày làm việc Đến ngày 01/7/2023, chính thức triển khai Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh tại địa chỉ: <https://dangkyhkd.dkkd.gov.vn> (trước mắt, áp dụng đối với thủ tục đăng ký thành lập mới hộ kinh doanh và thủ tục thông báo hoạt động địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh). **Tài liệu kiểm chứng:** Văn bản số 12934/UBND-THNC ngày 23/9/2020.

**- TCTP 3.3.3:** Công tác tiếp nhận, trả hồ sơ

Qua kiểm tra thực tế tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố cho thấy các cơ quan, đơn vị đều có phiếu biên nhận, vào sổ theo dõi, thực hiện đúng quy trình hướng dẫn, tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ và thực hiện trách nhiệm xin lỗi khi giải quyết trễ hạn theo quy định. **Đạt 3/3 điểm** (tỷ lệ 100%). **Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023.

**- TCTP 3.3.4:** Công tác giải quyết TTHC tại cấp huyện

Tổng hồ sơ tiếp nhận: 23.819, đúng hạn: 22.315, trong hạn: 635, trễ hạn: 869. Điểm đánh giá đạt:  $(96,35\% \times 3)/100\% = 2,89/3$  điểm. **Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023, Bảng thống kê tình hình giải quyết TTHC cấp huyện.

**- TCTP 3.3.5:** Công tác giải quyết TTHC tại cấp xã

Tổng hồ sơ tiếp nhận: 26.778, đúng hạn: 221.431, trong hạn: 1.329, trễ hạn: 1.329. Điểm đánh giá đạt:  $(98,29\% \times 1,5)/100\% = 1,47/1,5$  điểm. **Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023, Bảng thống kê tình hình giải quyết TTHC cấp xã.

**4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

**- TCTP 4.1.1:** Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động cơ quan hành chính:

100% Phòng chuyên môn thuộc UBND thành phố đã tham mưu ban hành quy chế tổ chức và hoạt động. **Đánh giá: 2/2 điểm.** **Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023, các quy chế tổ chức và hoạt động của 12/12 cơ quan chuyên môn.

**- TCTP 4.1.2:** Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của ĐVSN

100% đơn vị sự nghiệp đã tham mưu ban hành quy chế tổ chức và hoạt động. **Đánh giá: 1/1 điểm.** **Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023, các quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp.

**- TCTP 4.1.3:** Thực hiện quy định về số lượng cấp phó phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thành phố:

Thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó phòng chuyên môn và đơn vị sự nghiệp thành phố, **đạt: 1/1 điểm.**

+ **Đối với phòng chuyên môn:** đã bố trí 22/24 cấp phó (đảm bảo quy định tại khoản 1, Điều 1 – Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ).

+ **Đối với đơn vị sự nghiệp:** đã bố trí 12 cấp phó (đảm bảo quy định tại khoản 2, Điều 6 – Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020).

**Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023, Bảng tổng hợp số lượng cấp phó tại các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp năm 2022.

**- TCTP 4.2.1: Giảm số lượng đơn vị sự nghiệp theo lộ trình**

Triển khai Kế hoạch số 14488/KH-UBND ngày 15/10/2018 của UBND thành phố đảm bảo lộ trình Kế hoạch 160-KH/TU và Kế hoạch 161-KH/TU ngày 04/7/2018 của Thành ủy Biên Hòa. Trong năm 2023, thành phố còn 01 đơn vị sự nghiệp là Bến xe Biên Hòa chưa hoàn thành mục tiêu cổ phần hóa (theo lộ trình phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp thực hiện cổ phần hóa giai đoạn 2018-2020 của UBND tỉnh tại Văn bản số 11321/UBND-KT ngày 24/10/2018). Đến nay, thành phố tiếp tục chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp rà soát, xử lý các vướng mắc tồn tại để sớm triển khai mục tiêu nêu trên. **Đánh giá: 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Văn bản số 15197/UBND-KTNS ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh.

**- TCTP 4.2.2: Thực hiện tinh giản biên chế:**

Trong năm 2023, đã giảm theo lộ trình phê duyệt 01 biên chế công chức (Phòng Y tế) và 0 biên chế viên chức. **Đạt 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Kế hoạch số 19941/KH-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa; Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa về việc phân bổ biên chế công chức trong cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, biên chế trong các đơn vị sự nghiệp công lập, người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn thành phố Biên Hòa năm 2023.

**4.3: Thực hiện quy định về tiêu chuẩn, chức danh cán bộ, công chức cấp xã**

Triển khai đúng quy định Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh, các quy định hiện hành và văn bản hướng dẫn của Sở Nội vụ về số lượng, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn thành phố năm 2023. **Đánh giá: 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023.

- **TCTP 4.4.1:** Thực hiện các quy định phân cấp về thẩm quyền quản lý do Trung ương, UBND tỉnh ban hành, thực hiện đầy đủ, **đạt: 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023, Báo cáo số

- **TCTP 4.4.2:** Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp, có thực hiện, **đạt 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 về việc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng đối với UBND phường Long Bình Tân, Phước Tân, Hiệp Hòa, Thống Nhất, Tân Mai; Quyết định



số 881/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật về quản lý tài chính ngân sách đối với UBND phường Tam Hòa; Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 về việc kiểm tra về công tác quản lý đất đai, xây dựng và môi trường đối với UBND phường Hóa An; Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 về việc thanh tra công tác đấu thầu, thi công, thanh quyết toán đối với gói thầu hệ thống mương thoát nước tuyến đường Bùi Trọng Nghĩa, phường Trảng Dài; Quyết định số 23/QĐ-TTTP ngày 30/8/2023 về việc thanh tra chuyên đề quy hoạch và thực hiện quy hoạch xây dựng trên địa bàn thành phố Biên Hòa; Quyết định số 25/QĐ-TTTP ngày 05/9/2023 về việc thanh tra công tác quản lý đất đai, xây dựng đối với UBND phường An Bình.

- **TCTP 4.4.3:** Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra. Có thực hiện, **đạt: 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Kết luận thanh tra số 8626/KL-UBND ngày 14/6/2023, Kết luận số 15925/KL-UBND ngày 12/10/2023, Kết luận kiểm tra số 6656/KL-UBND ngày 15/5/2023, Kết luận kiểm tra số 15168/KL-UBND ngày 29/9/2023.

## 5. Cải cách chế độ công vụ

- **TCTP 5.1.1:** Xây dựng đề án (hoặc đề án điều chỉnh bổ sung) xác định cơ cấu công chức theo vị trí việc làm trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt. Đã xây dựng đề án xác định cơ cấu công chức đầy đủ, **đạt: 1/1 điểm.**

Kết quả trong năm 2023, thực hiện theo ủy quyền tại Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 17/02/2022 của UBND tỉnh, UBND thành phố Biên Hòa quyết định phê duyệt điều chỉnh danh mục, bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm, cụ thể: đã ban hành: 10 đơn vị; đã thẩm định, đang lấy ý kiến Thành viên UBND thành phố: 02 đơn vị gồm: Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Kinh tế. **Tài liệu kiểm chứng:** Đề án vị trí việc làm của 12/12 Phòng chuyên môn.

- **TCTP 5.1.2:** Xây dựng đề án (hoặc đề án điều chỉnh bổ sung) xác định cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt. Đã xây dựng đề án xác định cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm đầy đủ, **đạt: 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- **TCTP 5.2.1** Thực hiện tuyển dụng công chức cấp xã đúng quy định (tuyển dụng đặc biệt: 02 trường hợp, tuyển dụng: 24 trường hợp). **Đạt 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Tuyển dụng đặc biệt: Quyết định số 2018, 2019/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 về việc tiếp nhận đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã; Tuyển dụng: Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/01/2023 về việc tuyển dụng công chức cấp xã, Kế hoạch số 10200/KH-UBND ngày 10/7/2023 về việc phê duyệt nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã năm 2023.

- **TCTP 5.2.2** Thực hiện tuyển dụng viên chức đúng quy định, **đạt 1,5/1,5 điểm.**

+ **Đơn vị sự nghiệp giáo dục:** ban hành Kế hoạch số 14179/KH-UBND ngày 14/9/2023 về việc triển khai công tác tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2023-2024; Văn bản số 15129/UBND-THNC ngày 28/9/2023 về việc điều chỉnh thời gian tuyển dụng viên chức giáo dục năm học 2023-2024; Quyết định số 2695/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 về việc phê duyệt kế hoạch tuyển

dụng viên chức năm học 2023-2024. Các đơn vị hiện đang tổ chức thực hiện theo thẩm quyền phân cấp. **TLKC:** Kế hoạch số 14179/KH-UBND ngày 14/9/2023, Quyết định số 15129/QĐ-UBND ngày 28/9/2023, Quyết định số 2695/QĐ-UBND ngày 05/10/2023.

+ **Đơn vị sự nghiệp khác:** tuyển mới 05 trường hợp viên chức. Tài liệu kiểm chứng: Quyết định số 4020/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 về việc phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao; Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 05/6/2023, Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức của Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao; Quyết định số 4021/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 về việc phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên; Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên.

- **TCTP 5.2.3** Tỷ lệ công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm và ngạch công chức: 97,8% (184/184) công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm và ngạch công chức, **đạt: 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023.

- **TCTP 5.2.4** Tỷ lệ viên chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp: 100% (6.500/6.500) viên chức được bố trí theo đúng VTVL, **đạt: 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023.

- **TCTP 5.2.5** Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại lãnh đạo quản lý (bao gồm công chức và viên chức)

+ 100% lãnh đạo cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định. **Đánh giá: 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023.

+ 100% lãnh đạo cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm lại đúng quy định. **Đánh giá: 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023.

- **TC 5.3: Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức:**

Quản lý, cập nhật dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức lên phần mềm đảm bảo yêu cầu, **đạt 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023 và kết quả cập nhật thông tin trên Phần mềm ngành Nội vụ, Phần mềm quản lý CBCCVC.

- **TCTP 5.4.1:** Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

Ban hành kịp thời, **đạt 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Kế hoạch số 750/KH-UBND ngày 18/01/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023.

- **TCTP 5.4.2** Tổ chức thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chính trị, chuyên môn; bồi dưỡng nghiệp vụ.

Hoàn thành 100% nhiệm vụ theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2023.  
**Đánh giá: 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng năm 2023.

## 6. Cải cách cơ chế quản lý tài chính công

### - TC 6.1: Giải ngân vốn đầu tư công (cấp huyện)

Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm đối với nguồn vốn phân cấp cho UBND cấp huyện giao chỉ tiêu: Ước giải ngân XDCB năm 2022 là 812.669 triệu đồng/855.441 triệu đồng, đạt 95%. **Đạt: 1,5/1,5 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 213/BC-XDCB ngày 13/11/2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch về tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm 2023 (kỳ báo cáo: tháng 11).

- **TCTP 6.2.1** Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước

Không có sai phạm phát hiện trong năm đánh giá: **đạt 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 13/02/2023 về kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ năm 2022 (chưa đến thời điểm báo cáo năm 2023);

### - **TCTP 6.2.2** Thực hiện quy định về quản lý tài sản công

+ Triển khai kịp thời các quy định về quản lý tài sản công: **đạt 0,5 điểm.**

+ Báo cáo kết quả thực hiện quy định về quản lý tài sản công: **đạt 0,25 điểm.**

+ Cập nhật đầy đủ số liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công: **đạt 0,5 điểm.**

+ Không có sai phạm phát hiện trong năm đánh giá: **đạt 0,25/0,25 điểm.**

**Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 34/BC-UBND ngày 17/02/2023 về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022 trên địa bàn thành phố Biên Hòa (chưa đến thời điểm báo cáo năm 2023).

### - **TCTP 6.2.3** Thực hiện quy định về phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm

Không có sai phạm phát hiện trong năm đánh giá: **đạt 1,5/1,5 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 62/BC-UBND ngày 24/3/2023 về đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022 (chưa đến thời điểm báo cáo trong năm 2023).

- **TCTP 6.3:** Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các ĐVSNCL thuộc đơn vị

Có 128/128, đạt 100% ĐVSNCL thực hiện đúng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm (tự đảm bảo chi thường xuyên và đầu tư: 03; tự đảm bảo chi thường xuyên: 01; tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 03; Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: 121). **Đánh giá: 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 24/8/2022.

## 7. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số

### 7.1 Chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nội bộ:

- **TCTP 7.1.1:** Xây dựng Kế hoạch phát triển chính quyền số và an toàn an ninh mạng, **đạt 0,5/0,5 điểm.** **Tài liệu kiểm chứng:** *Triển khai Kế hoạch số 4143/KH-UBND ngày 30/3/2023 về chuyển đổi số năm 2023 (điều chỉnh tại Kế hoạch số 15491/KH-UBND ngày 04/10/2023); Kết quả thực hiện trong năm 2023*

- **TCTP 7.1.2:** Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa UBND cấp huyện

Đạt 99,39% (75.738/76.201) văn bản điện tử đảm bảo yêu cầu giữa UBND thành phố và các cơ quan hành chính nhà nước. **Đạt 0,99/1 điểm.** **Tài liệu kiểm chứng:** *Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023, Số liệu trích xuất từ phần mềm quản lý văn bản điện tử (<https://dongnai.vnptioffice.vn/>).*

- **TCTP 7.1.3:** Tỷ lệ lãnh đạo cấp huyện sử dụng chữ ký số để phê duyệt, điều hành công việc để xử lý, giải quyết công việc, **đạt 1/1 điểm.**

Đạt tỷ lệ 100% (4/4) lãnh đạo UBND thành phố Biên Hòa sử dụng chữ ký số để phê duyệt, điều hành công việc để xử lý, giải quyết công việc. **Tài liệu kiểm chứng:** *Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023, Số liệu trích xuất từ phần mềm quản lý văn bản điện tử (<https://dongnai.vnptioffice.vn/>).*

- **TCTP 7.1.4:** Tỷ lệ lãnh đạo cấp phòng sử dụng chữ ký số để phê duyệt, điều hành công việc để xử lý, giải quyết công việc, **đạt 1/1 điểm.**

Đạt tỷ lệ 100% (33/33) sử dụng chữ ký số để phê duyệt, điều hành công việc để xử lý, giải quyết công việc. **Tài liệu kiểm chứng:** *Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023, Số liệu trích xuất từ phần mềm quản lý văn bản điện tử (<https://dongnai.vnptioffice.vn/>).*

- **TCTP 7.1.5:** Lập hồ sơ công việc và lưu trữ điện tử

+ Đã triển khai lập hồ sơ công việc, đánh giá 1/1 điểm.

+ Lưu trữ hồ sơ công việc: đánh giá 0,5/0,5 điểm. **Tài liệu kiểm chứng:** *Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 07/11/2023 về công tác CCHC, KS. TTHC năm 2023, Kế hoạch số 16134/KH-UBND ngày 16/10/2023 về tổ chức tập huấn công tác lập hồ sơ công việc năm 2023.*

### 7.2. Chuyển đổi số trong giải quyết TTHC

- **TCTP 7.2.1:** Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết phát sinh hồ sơ trực tuyến toàn trình và một phần

Theo số liệu thống kê, 50/65 TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến, đạt 92%. **Đánh giá: 1/1 điểm.** **Tài liệu kiểm chứng:** *Bảng thống kê số liệu TTHC phát sinh hồ sơ trực tuyến năm 2023.*

- **TCTP 7.2.2:** Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến cấp huyện

Theo số liệu thống kê, tỷ lệ phát sinh hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận qua các hình thức đạt: 14.419/23.164 hồ sơ, 62,25%. **Đánh giá:**

**4/4 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Bảng thống kê số liệu TTHC phát sinh hồ sơ trực tuyến năm 2023.

**- TCTP 7.2.3: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến cấp xã**

Theo số liệu thống kê, tỷ lệ phát sinh hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận qua các hình thức đạt: 26.760/38.364 hồ sơ, 69,75%. **Đánh giá: 2/2 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Bảng thống kê số liệu TTHC phát sinh hồ sơ trực tuyến năm 2023.

**- TCTP 7.2.4: Số hóa hồ sơ TTHC cấp huyện**

Theo số liệu thống kê, tỷ lệ số hóa hồ sơ tại thành phố đạt 10.811/40.855 trường hợp, tương ứng 26,46%. **Đánh giá: 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Bảng thống kê số liệu số hóa năm 2023.

**- TCTP 7.2.5: Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được cấp bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng ở cấp huyện**

Theo số liệu thống kê, tỷ lệ số hóa kết quả TTHC tại thành phố đạt 424/40.855 kết quả, tương ứng 1,04%. **Đánh giá: 0/1,5 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Bảng thống kê số liệu số hóa năm 2023.

**- TCTP 7.2.6: Số hóa hồ sơ TTHC tại cấp xã**

Theo số liệu thống kê, tỷ lệ số hóa hồ sơ tại cấp xã đạt 41.687/97.743 trường hợp, tương ứng 42,65%. **Đánh giá: 0,5/0,5 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Bảng thống kê số liệu số hóa năm 2023.

**- TCTP 7.2.7 Cung cấp bản sao chứng thực điện tử từ bản chính**

Tỷ lệ đơn vị cấp xã thực hiện chứng thực bản sao điện tử đạt từ 50% trở lên. **Đánh giá 1/1 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Bảng thống kê số liệu chứng thực bản sao điện tử năm 2023.

**- TCTP 7.2.8 Thanh toán trực tuyến**

Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong giải quyết TTHC đạt 9,04% (tại thành phố, riêng tại cấp xã chưa đánh giá do mới triển khai từ tháng 11/2023). **Đánh giá 1,5 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Bảng thống kê tình hình thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023.

**- TCTP 7.2.9 Thanh toán trực tuyến tại cấp xã**

Đã triển khai thanh toán trực tuyến tại cấp xã (thí điểm tại 02/30 đơn vị từ tháng 5/2023, sau đó nhân rộng áp dụng tại 28 đơn vị còn lại từ tháng 11/2023). **Đánh giá: 0,5 điểm. Tài liệu kiểm chứng:** Kế hoạch số 11122/KH-UBND ngày 08/8/2022 về việc triển khai thanh toán điện tử và hình thức khác đối với các khoản phí, lệ phí tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp trên địa bàn thành phố Biên Hòa, Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 về việc ban hành quy chế phối hợp thực hiện thu phí, lệ phí tại Bộ phận các cấp trên địa bàn thành phố Biên Hòa, Văn bản số 15090/UBND-THNC ngày 28/9/2023 về việc tiếp tục triển khai quy trình thu phí, lệ phí tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã trên địa bàn thành phố Biên Hòa.

**- TCTP 7.3 Chất lượng Trang thông tin điện tử của đơn vị**

+ Đăng tải tin tức, bài viết và các văn chỉ đạo của tỉnh, kết quả triển khai của thành phố Biên Hòa đầy đủ chuyên mục theo quy định. Đánh giá: 0,25/0,25 điểm.

+ Đăng tải tin tức, bài viết kịp thời theo quy định. Đánh giá: 0,5 điểm.

+ Đảm bảo tính thuận tiện cho người sử dụng. Đánh giá: 0,25 điểm.

**Tài liệu kiểm chứng:** Trang thông tin điện tử thành phố Biên Hòa tại địa chỉ truy cập: <https://bienhoa.dongnai.gov.vn/>.

**8. Đánh giá tác động công tác cải cách hành chính**

**- TC 8.1 Thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết HĐND cùng cấp**

Ước đạt 95% mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, **đánh giá: 3/3 điểm.** **Tài liệu kiểm chứng:** Báo cáo số 364/BC-UBND ngày 31/10/2023 của UBND thành phố Biên Hòa về kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2023.

**- TC 8.2 Đánh giá tác động của CCHC đến mức độ hài lòng của người dân**

*(điểm quy đổi từ kết quả khảo sát ý kiến người dân năm 2023)*

**IV. Tổng điểm:**

Tổng điểm: 86,95/90 điểm

Trên đây là báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của UBND thành phố Biên Hòa./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh Đồng Nai (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT. UBND TP (báo cáo);
- VP. HĐND và UBND TP (ph/h);
- Phòng Nội vụ (theo dõi);
- Các phòng: Tư pháp, VHHT, TC-KH;
- Lưu: VT, NC.



**CHỦ TỊCH**

**Đỗ Khôi Nguyên**

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình	Điểm thẩm định	Ý kiến hội đồng thẩm định
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH</b>	<b>13</b>	<b>12,9722</b>		<b>0</b>	
1.1	Kế hoạch CCHC hàng năm	<b>2</b>	<b>1,9722</b>		<b>0</b>	
1.1.1	Ban hành kế hoạch cải cách hành chính	<b>0,5</b>	<b>0,5</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
1.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC	<b>1,5</b>	<b>1,4722</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	<b>1</b>	<b>1</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	<b>3,5</b>	<b>3,5</b>		<b>0</b>	
1.3.1	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	<b>1</b>	<b>1</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm Số lượng đơn vị thực tế đã kiểm tra: 42 (12 phòng chuyên môn, 30 UBND phường, xã)	<b>0</b>	
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra thuộc thẩm quyền xử lý	<b>2</b>	<b>2</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình	Điểm thẩm định	Ý kiến hội đồng thẩm định
1.3.3	Thực hiện kiểm tra qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	<b>0,5</b>	<b>0,5</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
1.4	Truyền thông về cải cách hành chính	<b>1,5</b>	<b>1,5</b>		<b>0</b>	
1.4.1	Thường xuyên cung cấp thông tin về cải cách hành chính	<b>0,5</b>	<b>0,5</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
1.4.2	Mức độ đa dạng trong hình thức tuyên truyền CCHC	<b>1</b>	<b>1</b>	- Báo cáo giải thích cách tính điểm - Trang thông tin điện tử thành phố Biên Hòa (chuyên mục CCHC) <a href="http://bienhoa.dongnai.gov.vn">http://bienhoa.dongnai.gov.vn</a> - Địa chỉ đăng tải Video tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng định danh điện tử mức 2 tại: <a href="https://youtu.be/jVb6WgDhT00?si=qbk7kOgsMRry2KNv">https://youtu.be/jVb6WgDhT00?si=qbk7kOgsMRry2KNv</a>	<b>0</b>	
1.5	Trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác cải cách hành chính	<b>3</b>	<b>3</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	



<b>STT</b>	<b>Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>	<b>Giải trình</b>	<b>Điểm thẩm định</b>	<b>Ý kiến hội đồng thẩm định</b>
1.6	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	<b>2</b>	<b>2</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
<b>2</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT</b>	<b>7</b>	<b>6</b>		<b>0</b>	
2.1	Tham mưu ban hành văn bản QPPL theo đúng quy trình của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2020	<b>2</b>	<b>2</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
2.2	Công tác theo dõi thi hành pháp luật	<b>1,5</b>	<b>1,5</b>		<b>0</b>	
2.2.1	Mức độ thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật	<b>0,5</b>	<b>0,5</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
2.2.2	Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật: kết quả xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua theo dõi tình hình thi hành pháp luật	<b>1</b>	<b>1</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
2.3	Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống	<b>2,5</b>	<b>2,5</b>		<b>0</b>	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình	Điểm thẩm định	Ý kiến hội đồng thẩm định
	hóa văn bản quy phạm pháp luật do cấp tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị					
2.3.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	1	1	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
2.3.2	Đề xuất xử lý các văn bản không còn phù hợp	1,5	1,5	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
2.4	Hiệu quả tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	1	0		0	
<b>3</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>19</b>	<b>18,8616</b>		<b>0</b>	
3.1	Kiểm soát thủ tục hành chính	7,5	7,5		0	
3.1.1	Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC	0,5	0,5	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
3.1.2	Đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC	4	4	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
3.1.3	Niêm yết thủ tục hành chính	2	2	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình	Điểm thẩm định	Ý kiến hội đồng thẩm định
3.1.4	Cung cấp hồ sơ mẫu	1	1	Báo cáo giải thích cách tính điểm - Địa chỉ đăng tải hồ sơ mẫu điện tử tại Trang thông tin điện tử thành phố Biên Hòa (chuyên mục CCHC) <a href="http://bienhoa.dongnai.gov.vn">http://bienhoa.dongnai.gov.vn</a> - Địa chỉ đăng tải Video hướng dẫn thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại: <a href="https://youtu.be/jVb6WgDhT00?si=qbk7kOgsMRry2KNv">https://youtu.be/jVb6WgDhT00?si=qbk7kOgsMRry2KNv</a>	0	
3.2	Tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân	2	1,9829	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	9,5	9,3787		0	
3.3.1	Thực hiện cơ chế một cửa	1	1	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
3.3.2	Thực hiện cơ chế một cửa liên thông	1	1	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
3.3.3	Công tác tiếp nhận, trả hồ sơ	3	3	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình	Điểm thẩm định	Ý kiến hội đồng thẩm định
3.3.4	Giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính tại cấp huyện	3	2,8876	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
3.3.5	Giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính tại cấp xã	1,5	1,4911	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
<b>4</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b>	<b>10</b>	<b>10</b>		<b>0</b>	
4.1	Thực hiện quy định về tổ chức bộ máy theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ ngành	4	4		0	
4.1.1	Ban hành quy chế tổ chức hoạt động của các phòng chuyên môn	2	2	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
4.1.2	Ban hành quy chế tổ chức hoạt động của đơn vị sự nghiệp trực thuộc	1	1	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
4.1.3	Thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó tại phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc	1	1	Thực hiện đảm bảo quy định về số lượng cấp phó tại Phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc	0	
4.2	Thực hiện tinh giản biên chế, tinh gọn đơn vị sự nghiệp	2	2		0	

<b>STT</b>	<b>Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>	<b>Giải trình</b>	<b>Điểm thẩm định</b>	<b>Ý kiến hội đồng thẩm định</b>
4.2.1	Giảm số lượng đơn vị sự nghiệp theo lộ trình	<b>1</b>	<b>1</b>		<b>0</b>	
4.2.2	Thực hiện tinh giản biên chế	<b>1</b>	<b>1</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
4.3	Thực hiện quy định về tiêu chuẩn, chức danh cán bộ, công chức cấp xã	<b>1</b>	<b>1</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
4.4	Thực hiện phân cấp quản lý	<b>3</b>	<b>3</b>		<b>0</b>	
4.4.1	Thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp	<b>1</b>	<b>1</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
4.4.2	Thực hiện công tác kiểm tra định kỳ trong nội bộ đơn vị đối với các nhiệm vụ được phân cấp	<b>1</b>	<b>1</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
4.4.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	<b>1</b>	<b>1</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
<b>5</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC (CCVC)</b>	<b>12</b>	<b>12</b>		<b>0</b>	
5.1	Xây dựng đề án (hoặc đề án điều chỉnh bổ sung) xác định cơ cấu	<b>2</b>	<b>2</b>		<b>0</b>	

<b>STT</b>	<b>Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>	<b>Giải trình</b>	<b>Điểm thẩm định</b>	<b>Ý kiến hội đồng thẩm định</b>
	công chức, viên chức theo vị trí việc làm trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt					
5.1.1	Phê duyệt đề án vị trí việc làm công chức	<b>1</b>	<b>1</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
5.1.2	Xây dựng đề án vị trí việc làm viên chức của các đơn vị sự nghiệp	<b>1</b>	<b>1</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
5.2	Tuyển dụng, bố trí sử dụng công chức, viên chức	<b>7</b>	<b>7</b>		<b>0</b>	
5.2.1	Thực hiện tuyển dụng công chức cấp xã	<b>1,5</b>	<b>1,5</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
5.2.2	Thực hiện việc tuyển dụng viên chức	<b>1,5</b>	<b>1,5</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
5.2.3	Tỷ lệ công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức	<b>1</b>	<b>1</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
5.2.4	Tỷ lệ viên chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm và tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp	<b>1</b>	<b>1</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình	Điểm thẩm định	Ý kiến hội đồng thẩm định
5.2.5	Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại lãnh đạo quản lý	2	2	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
5.3	Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức	1	1	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
5.4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	2	2		0	
5.4.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm	1	1	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
5.4.2	Tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng	1	1	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
<b>6</b>	<b>THỰC HIỆN CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>7</b>	<b>6,925</b>		<b>0</b>	
6.1	Giải ngân vốn đầu tư cấp huyện	1,5	1,425	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
6.2	Thực hiện quy định về quản lý tài chính, tài sản công	4	4		0	
6.2.1	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ ngân sách nhà	1	1	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình	Điểm thẩm định	Ý kiến hội đồng thẩm định
	nước					
6.2.2	Thực hiện quy định về quản lý tài sản công	1,5	1,5	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
6.2.3	Thực hiện quy định về phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị SNCL trực thuộc cơ quan	1,5	1,5	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập của cơ quan thuộc cơ quan	1,5	1,5	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
7	<b>HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b>	19	17,2631		0	
7.1	Chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nội bộ	5	4,9939		0	
7.1.1	Xây dựng kế hoạch phát triển chính quyền số và an toàn an ninh thông tin	0,5	0,5	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
7.1.2	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử	1	0,9939	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	



<b>STT</b>	<b>Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>	<b>Giải trình</b>	<b>Điểm thẩm định</b>	<b>Ý kiến hội đồng thẩm định</b>
7.1.3	Tỷ lệ lãnh đạo cấp huyện sử dụng chữ ký số để điều hành, xử lý công việc.	<b>1</b>	<b>1</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
7.1.4	Tỷ lệ lãnh đạo cấp phòng sử dụng chữ ký số để phê duyệt, điều hành công việc để xử lý, giải quyết công việc.	<b>1</b>	<b>1</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
7.1.5	Lập và lưu trữ hồ sơ công việc điện tử	<b>1,5</b>	<b>1,5</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
7.2	Chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính	<b>13</b>	<b>11,2692</b>		<b>0</b>	
7.2.1	Tỉ lệ thủ tục hành chính phát sinh hồ sơ trực tuyến toàn trình, một phần	<b>1</b>	<b>0,7692</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ hồ sơ trực tuyến toàn trình và một phần tại cấp huyện	<b>4</b>	<b>4</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
7.2.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình và một phần tại cấp xã	<b>2</b>	<b>2</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	
7.2.4	Số hóa hồ sơ thủ tục hành chính tại	<b>1</b>	<b>1</b>	Báo cáo giải thích cách tính điểm	<b>0</b>	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình	Điểm thẩm định	Ý kiến hội đồng thẩm định
	cấp huyện					
7.2.5	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được cấp bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng ở cấp huyện	1,5	0	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
7.2.6	Số hóa hồ sơ thủ tục hành chính tại cấp xã	0,5	0,5	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
7.2.7	Cung cấp bản sao chứng thực điện tử từ bản chính	1	1	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
7.2.8	Thanh toán trực tuyến tại cấp huyện	1,5	1,5	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
7.2.9	Thanh toán trực tuyến tại cấp xã	0,5	0,5	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
7.3	Chất lượng Trang thông tin điện tử của địa phương	1	1	Báo cáo giải thích cách tính điểm	0	
<b>8</b>	<b>TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC</b>	<b>3</b>	<b>2,9302</b>		<b>0</b>	
8.1	Thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội theo Nghị quyết HĐND cùng cấp	3	2,9302		0	
8.2	Đánh giá tác động của CCHC đến	0	0		0	

<b>STT</b>	<b>Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>	<b>Giải trình</b>	<b>Điểm thẩm định</b>	<b>Ý kiến hội đồng thẩm định</b>
	mức độ hài lòng của người dân					
8.2.1	Hiệu quả công tác truyền thông về CCHC	<b>2</b>	<b>0</b>		<b>0</b>	
8.2.2	Hài lòng của cá nhân, tổ chức về quy trình giải quyết thủ tục hành chính	<b>3</b>	<b>0</b>		<b>0</b>	
8.2.3	Tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức trong tiếp nhận, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp	<b>3</b>	<b>0</b>		<b>0</b>	
8.2.4	Giải quyết phản ánh kiến nghị cho người dân, doanh nghiệp	<b>2</b>	<b>0</b>		<b>0</b>	
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>90</b>	<b>86,9521</b>		<b>0</b>	